

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

TRƯƠNG ĐỨC THĂNG

**NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO CỬ NHÂN NGÀNH Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO**

Chuyên ngành : Giáo dục thể chất

Mã số : 62140103

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

BẮC NINH - 2017

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Vũ Chung Thủy

PGS.TS Đồng Văn Triệu

Phản biện 1: GS.TS. Lưu Quang Hiệp
Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Phản biện 2: TS. Trần Đức Phấn
Tổng cục Thể dục thể thao

Phản biện 3: TS. Võ Tường Kha
Bệnh viện Thể thao Việt Nam

**Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ tại:
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2017

Có thể tìm luận án tại:

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam
2. Thư viện Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ
CÓ LIÊN QUAN**

1. Trương Đức Thăng (2016), *Nghiên cứu nhu cầu xã hội về sử dụng cán bộ và khả năng đáp ứng công việc của sinh viên ngành Y sinh học TDTT*, Tạp chí khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao, số 3.
2. Trương Đức Thăng(2016), *Kết quả đào tạo ngành y sinh học TDTT trường Đại học TDTT Bắc Ninh*. Tạp chí khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao, số 4.

A. GIỚI THIỆU LUẬN ÁN MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết: Việc xác định mô hình tổ chức đào tạo, xây dựng nội dung đào tạo và các chỉ tiêu kiểm tra đánh giá năng lực của cử nhân TĐTT từng ngành đào tạo trong trường Đại học TĐTT Bắc Ninh đã được các nhà giáo dục, các nhà khoa học tiến hành nghiên cứu và đưa vào CTĐT cử nhân TĐTT thuộc 3 ngành: Sư phạm thể thao, Huấn luyện thể thao và Quản lý TĐTT. Kết quả này đã được các nhà chuyên môn đánh giá rất cao và đang được ứng dụng rộng rãi tại các cơ sở đào tạo cử nhân TĐTT trong phạm vi cả nước.

Xuất phát từ chính sự bất cập giữa nhu cầu đòi hỏi của thực tiễn công tác TĐTT với năng lực đào tạo còn hạn chế do thiếu kinh nghiệm đào tạo, CTĐT mang tính chủ quan, chưa bám sát nhu cầu thực tiễn của xã hội trong tiến trình xây dựng mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, phương pháp và kế hoạch giảng dạy, đặc biệt là chưa xác định được đầy đủ các chỉ tiêu, cũng như chưa xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả CTĐT và trình độ năng lực chuyên môn của cử nhân Y sinh học TĐTT đã cho thấy vấn đề kiểm chứng hiệu quả đào tạo và phát triển CTĐT có hiệu quả đã trở nên cấp thiết. Vấn đề xây dựng và đổi mới CTĐT trong các lĩnh vực khác nhau của thực tiễn công tác TĐTT đã có một số công trình nghiên cứu, tiêu biểu như tác giả Phạm Đình Bẩm (2003), “Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp giảng dạy đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của trường đại học TĐTT”[Error! Reference source not found.]; Nguyễn Cẩm Ninh (2011), “Nghiên cứu xây dựng nội dung giảng dạy cho cử nhân quản lý TĐTT”[Error! Reference source not found.]; Nguyễn Thị Toàn (2010), “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất định hướng đổi mới CTĐT bậc đại học cho học viên hệ vừa làm vừa học chuyên ngành sư phạm TĐTT trường Đại học Sư phạm Hà Nội”[Error! Reference source not found.]; Trần Vũ Phương (2015) “Ứng dụng chương trình đổi mới đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất trình độ cao đẳng ở trường Cao đẳng Tuyên Quang”[Error! Reference source not found.]. ... Các đề tài đã đánh giá được thực trạng công tác đào tạo của các cơ sở đào tạo, đồng thời đề xuất các giải pháp đổi mới góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo trong thời gian qua. Tuy nhiên việc khảo sát và đánh giá hiệu quả công tác đào tạo ngành Y sinh học TĐTT non trẻ vẫn chưa có tác giả nào đề cập tới. Xuất phát từ các lý do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài:

“NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH Y SINH HỌC TĐTT”

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở kết quả xác định khung các kiến thức và kỹ năng chuyên môn cần trang bị cho cử nhân Y sinh học TĐTT, kết quả đánh giá thực trạng hiệu quả CTĐT và mức độ đáp ứng nhu cầu thực tiễn của cử nhân y sinh học TĐTT, đề tài tiến hành lựa chọn và xây dựng các nội dung hoàn thiện CTĐT theo hướng đáp ứng yêu cầu của xã hội về năng lực chuyên môn của cán bộ y sinh học TĐTT trong giai đoạn mới. Đồng thời đề tài lựa chọn và xác định các tiêu chí và xây dựng hệ thống

tiêu chuẩn đánh giá năng lực chuyên môn của cử nhân y sinh học TĐTT nhằm tạo lập cơ sở đánh giá thống nhất về mặt bằng trình độ chung và chất lượng đào tạo cử nhân y sinh học TĐTT được đào tạo tại các cơ sở đào tạo trong cả nước.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhiệm vụ 1. Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn đánh giá hiệu quả CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT.

Nhiệm vụ 2. Đánh giá thực trạng hiệu quả CTĐT cử nhân y sinh học TĐTT.

Nhiệm vụ 3. Đề xuất nội dung đổi mới nâng cao hiệu quả CTĐT cử nhân y sinh học TĐTT.

NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

Quá trình nghiên cứu luận án đã hệ thống hóa lý thuyết các mô hình phát triển chương trình, đánh giá hiệu quả chương trình, các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn của cử nhân Y sinh học TĐTT, cũng như đổi mới được chương trình đào tạo cử nhân Y sinh học TĐTT theo hướng tích cực hóa và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Luận án đã đánh giá được thực trạng hiệu quả CTĐT và thực trạng năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công tác của cán bộ Y sinh học TĐTT đã được trường Đại học TĐTT Bắc Ninh đào tạo.

Luận án đã nghiên cứu lựa chọn được các nội dung đổi mới CTĐT ngành Y sinh học TĐTT tại trường Đại học TĐTT Bắc Ninh: Đổi mới mục tiêu đào tạo; Đổi mới về nội dung chương trình; Đổi mới tổ chức đào tạo; Đổi mới phương thức tuyển sinh; Tăng cường liên kết đào tạo các lĩnh vực về chuyên ngành Y học TĐTT

Luận án đã xây dựng được chương trình đào tạo đổi mới ngành Y sinh học TĐTT căn cứ vào các quy định của nhà nước và ý kiến của các chuyên gia, nhà tuyển dụng, người học, sinh viên đã ra trường.

CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Luận án gồm 149 trang A4, gồm các phần: Mở đầu (05 trang); Chương 1- tổng quan các vấn đề nghiên cứu (42 trang); Chương 2- Phương pháp tổ chức nghiên cứu (09 trang); Chương 3- Kết quả nghiên cứu và bàn luận (89 trang); Kết luận và kiến nghị (02 trang). Luận án sử dụng 54 tài liệu, trong đó có 49 tài liệu bằng tiếng việt, 05 tài liệu bằng tiếng Anh, ngoài ra còn có 19 bảng số liệu, 01 hình và 11 phụ lục.

B. NỘI DUNG LUẬN ÁN

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Chương 1 của luận án trình bày về các vấn đề cụ thể sau:

1.1. Quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục đào tạo bậc đại học

1.2. Quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển TĐTT

1.3. Công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực Thể dục thể thao trong giai đoạn hiện nay

1.4. Khái quát về lịch sử phát triển, công tác đào tạo cán bộ TĐTT tại trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

1.5. Một số khái niệm cơ bản trong xây dựng chương trình đào tạo và quá trình đào tạo

1.6. Tổng quan cơ sở lý luận phát triển chương trình đào tạo cử nhân ngành y sinh học Thể dục Thể thao

1.7. Tổng quan cơ sở thực tiễn phát triển chương trình đào tạo

1.8. Hình thức tổ chức đào tạo hiện nay

1.9. Các công trình nghiên cứu có liên quan

Các vấn đề cụ thể được trình bày từ trang 06 tới trang 48 của luận án

Quá trình nghiên cứu chương 1 của luận án đã hệ thống hóa, bổ sung và hoàn thiện các kiến thức lý luận về các vấn đề liên quan tới việc đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành y sinh học TĐTT; Phát triển ngành y sinh học TĐTT là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao thành tích thể thao, việc chăm sóc cho người tập luyện TĐTT đã trở thành một nhu cầu cấp thiết và cần được quan tâm hơn nữa; Nghiên cứu cho thấy để đào tạo được lực lượng cán bộ y sinh học tốt cần quan tâm đến phát triển CTĐT một cách khoa học và bài bản; Việc đánh giá, phát triển CTĐT nói chung và ngành y sinh học TĐTT nói riêng là yếu tố tiên quyết trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Trường TĐTT Bắc Ninh.

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu luận án sử dụng 6 phương pháp khoa học thường quy trong nghiên cứu khoa học TĐTT gồm: Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu; Phương pháp phỏng vấn tọa đàm; Phương pháp điều tra xã hội học; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp Phương pháp kiểm tra sự phạm; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp toán học thống kê

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Đối tượng nghiên cứu: Hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TĐTT trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

Khách thể nghiên cứu của luận án:

Đối tượng khảo sát: Các CTĐT và hệ thống tiêu chí đánh giá năng lực chuyên môn cử nhân ngành y sinh học TĐTT; Cán bộ lãnh đạo TĐTT và cán bộ quản lý các TT HL và CLB TT; Cán bộ làm công tác y học TĐTT; huấn luyện viên và VĐV có thành tích cao; cán bộ phong trào TĐTT các cấp; Cán bộ quản lý đào tạo và giáo viên ngành y sinh học TĐTT các trường đại học TĐTT (Bắc Ninh, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh) và các sinh viên tốt nghiệp được đào tạo theo chương trình hiện hành; Sinh viên ngành y sinh học TĐTT các khoá ĐH của trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

Đối tượng phỏng vấn: 100 các cán bộ chuyên môn, các nhà sư phạm, các nhà Y sinh học TĐTT tại các cơ sở, các trường Đại học TĐTT, sinh viên ngành y sinh học TĐTT trường Đại học TĐTT Bắc Ninh. Số lượng đối tượng phỏng vấn gồm

100 người thuộc các đơn vị quản lý nhà nước về TDTT (các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các trường Đại học TDTT...), 50 sinh viên đang theo học ngành y sinh học TDTT trường Đại học TDTT Bắc Ninh mục tiêu nhằm khảo sát về sự đáp ứng của người học với CTĐT, sự đảm bảo của nhà trường đối với người học ở mức nào...

Đối tượng chuyên gia: Bao gồm các nhà sư phạm, các nhà khoa học (số lượng 30 người).

2.2.2. Phạm vi nghiên cứu

2.2.2.1. Thời gian nghiên cứu

Luận án được tiến hành nghiên cứu từ tháng 11/2012 đến tháng 11/2016 và được chia thành 3 giai đoạn được trình bày cụ thể từ trang 01.tới trang 149 của luận án

2.2.2.2. Địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành tại trường Đại học TDTT Bắc Ninh

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành y sinh học Thể dục Thể thao.

3.1.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành y sinh học Thể dục thể thao

3.1.1.1. Nhận thức vai trò của việc đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành y sinh học Thể dục thể thao.

luận án tiến hành phỏng vấn 25 chuyên gia, cán bộ, giảng viên trong nhà trường về vai trò của việc đánh giá hiệu quả CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả cho thấy: tới 92% các chuyên gia, cán bộ QL và GV lựa chọn mức độ “Rất quan trọng” và chỉ 8% ý kiến lựa chọn mức độ “Quan trọng”; Ở mức độ “Bình thường” và “Không quan trọng” không có cán bộ quản lý và cán bộ giảng viên nào lựa chọn. Tần xuất đánh giá theo kết quả phỏng vấn 100% lựa chọn nên đánh giá 5 năm một lần. Như vậy các chuyên gia, cán bộ QL và GV đều đánh giá rất cao vai trò quan trọng của công tác đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TDTT trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo.

3.1.1.2. Xác định nguyên tắc lựa chọn xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành y sinh học TDTT

Trên cơ sở phân tích và tổng hợp tài liệu luận án tiến hành xác định các nguyên tắc khi lựa chọn và xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả CTĐT cử nhân ngành Y sinh học TDTT, bao gồm các nguyên tắc sau: Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi; Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện; Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học; Nguyên tắc đảm bảo tính chính xác; Nguyên tắc đảm bảo tính dễ sử dụng.

3.1.1.3. Nghiên cứu đề xuất bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả CTĐT cử nhân ngành Y sinh học TDTT.

Sau khi tiến hành lựa chọn và xây dựng được bộ tiêu chuẩn, tiêu chí từ bộ

tiêu chuẩn AUN - QA, để lựa chọn được hệ thống các tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp đánh giá hiệu quả CTĐT ngành y sinh học TĐTT chúng tôi tiến hành hội thảo để lấy ý kiến chuyên gia. Các chuyên gia cho rằng: Một số tiêu chuẩn đánh giá đưa ra nên rút gọn, một số tiêu chí trùng lặp và không thật cần thiết nên điều chỉnh lại. Tiếp thu ý kiến các chuyên gia, chúng tôi rút gọn các tiêu chuẩn đánh giá từ 18 tiêu chuẩn, 102 tiêu chí xuống còn 15 tiêu chuẩn và 92 tiêu chí.

3.1.1.4. kết quả phỏng vấn lựa chọn các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả CTĐT cử nhân ngành Y sinh học TĐTT

Để đảm bảo tính khách quan, luận án đã tiến hành phỏng vấn các chuyên gia, cán bộ quản lý, giáo viên bằng phiếu hỏi (Phụ lục số 2) về lựa chọn các tiêu chí trong từng tiêu chuẩn đánh giá CTĐT cử nhân ngành Y sinh học TĐTT với thang điểm đánh giá như sau: Rất cần thiết = 3; Cần thiết = 2; Bình thường = 1; Không cần thiết = 0. Đối tượng tham gia phỏng vấn 50 cán bộ, trong đó: 35 chuyên gia là cán bộ lãnh đạo trường, cán bộ quản lý các phòng, khoa, trung tâm, và 15 giảng viên có kinh nghiệm tham gia trực tiếp giảng dạy CTĐT ngành Y sinh học TĐTT. Kết quả được trình bày tại bảng 3.3. Từ kết quả phỏng vấn các chuyên gia luận án đã lựa chọn được 15 tiêu chuẩn với 71 tiêu chí đánh giá hiệu quả CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT. Từ bộ tiêu chuẩn, tiêu chí này được luận án sử dụng trong đánh giá hiệu quả của chương trình đào tạo cử nhân ngành y sinh học TĐTT trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

3.1.5. Xây dựng quy trình đánh giá thực trạng hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TĐTT

Từ cơ sở lý luận về quy trình đánh giá CTĐT, căn cứ vào các quy định của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, và các quan điểm của các nhà giáo dục trong và ngoài nước, luận án tiến hành xây dựng quy trình đánh giá thực trạng hiệu quả CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá. Dựa trên quy định chung của một hội đồng đánh giá chất lượng của một trường đại học gồm 18 thành viên, tuy nhiên do đề tài là công trình độc lập của cá nhân, vì vậy luận án không thể xin phép Hiệu trưởng nhà trường để ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá hiệu quả CTĐT, do vậy luận án chỉ có thể thành lập Hội đồng tự đánh giá trên cơ sở mời những chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên có chuyên môn tốt, có kinh nghiệm trong đánh giá, kiểm định chất lượng CTĐT để tiến hành tự đánh giá.

Bước 2: Xác định mục đích đánh giá là minh chứng với xã hội về chất lượng của CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT, để tìm ra những ưu điểm, nhược điểm của chương trình làm cơ sở khoa học để luận án đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TĐTT trong Nhà trường.

Bước 3: Lập kế hoạch đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TĐTT.

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng. Các thành viên tham gia đánh giá chương trình sử dụng các phương pháp đánh giá sau khi được tập huấn để thu thập thông tin, tìm minh chứng cho các tiêu chí đánh giá.

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được.

Bước 6: Viết báo cáo đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành quá trình đánh giá. Hội đồng đánh giá báo cáo kết quả với lãnh đạo khoa, Nhà trường về kết quả đánh giá.

Kết quả đánh giá hiệu quả CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT là việc tìm ra bằng chứng xác thực về hiệu quả của chương trình đào tạo mang lại và những mặt còn tồn tại của chương trình, từ đó làm cơ sở để đưa ra các đề xuất cải tiến chương trình, khắc phục những nhược điểm của CTĐT.

3.1.1.6. Xây dựng cách thức đánh giá thực trạng hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành Y sinh học Thể dục thể thao

Cách thức đánh giá hiệu quả được tiến hành như sau: Trên cơ sở các minh chứng về tổ chức, quản lý, vận hành chương trình đào tạo, sự phản hồi của các bên có liên quan... thu thập được là cơ sở cho Hội đồng đánh giá phân tích điểm mạnh, điểm yếu của CTĐT và kết quả tự đánh giá theo thang điểm được mô tả như sau:

Thang điểm đánh giá theo minh chứng chung:

Thang 1 = Chưa có gì (văn bản, kế hoạch, minh chứng)

Thang 2 = Mới chỉ đưa vào kế hoạch

Thang 3 = Có tài liệu/văn bản nhưng không có minh chứng triển khai rõ ràng

Thang 4 = Có tài liệu/văn bản và có minh chứng triển khai rõ ràng

Thang 5 = Đang triển khai có hiệu quả với đầy đủ minh chứng

Thang 6 = Mẫu mực

Thang 7 = Xuất sắc (tâm quốc tế)

Thang điểm đánh giá hiệu quả CTĐT:

Thang 1 = Hoàn toàn không đạt, cần phải cải tiến ngay

Thang 2 = Không đạt, cần cải tiến

Thang 3 = Chưa đạt, cần có cải tiến nhỏ để đạt

Thang 4 = Đạt đúng như yêu cầu của tiêu chí

Thang 5 = Đạt cao hơn yêu cầu của tiêu chí

Thang 6 = Mẫu mực

Thang 7 = Xuất sắc (tâm quốc tế).

3.1.2. Nghiên cứu cơ sở thực tiễn đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TĐTT

3.1.2.1. Thực trạng hình thức tổ chức đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TĐTT tại trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Để tìm hiểu hình thức đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TĐTT của nhà trường, chúng tôi tiến hành tham khảo tài liệu và phỏng vấn trực tiếp các giảng viên, cán bộ quản lý CTĐT cử nhân ngành Y sinh học TĐTT của Nhà Trường với hai hình thức niên chế hoặc tín chỉ. Kết quả phỏng vấn cho thấy, trong thực tiễn

trường ĐH TDTT Bắc Ninh đang đào tạo theo Hình thức đào tạo học niên chế.

Đây là hình thức đào tạo được áp dụng tại nhà trường từ khi được thành lập cho đến nay, hình thức này có nhiều ưu điểm tuy nhiên trong giai đoạn phát triển hiện nay cần được áp dụng các hình thức đào tạo mới tại nhà trường.

3.1.2.2. Khảo sát chương trình đào tạo cử nhân ngành Y sinh học Thể dục thể thao tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.

Để đánh giá được hiệu quả của CTĐT cử nhân ngành y sinh học TDTT, luận án tiến hành nghiên cứu các nội dung của CTĐT hiện đang được triển khai tại trường Đại học TDTT Bắc Ninh (phụ lục 3). Kết quả quá trình khảo sát CTĐT cử nhân ngành Y sinh học TDTT luận án đi đến có một số nhận xét sau:

Chương trình đào tạo ngành Y sinh TDTT được thiết kế theo hướng cấu trúc đơn ngành. Danh mục các học phần (môn học) và khối lượng đưa ra tại mục 7 (nội dung chương trình) là những quy định bắt buộc. Căn cứ vào những điều kiện tiên quyết của từng môn học, đồng thời căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức, kế hoạch giảng dạy các môn học được phân chia làm 8 học kỳ. Việc đan xen giữa các môn học lý thuyết và các môn học thực hành trong từng học kỳ, từng tuần, từng ngày phải đảm bảo các nguyên tắc của quá trình giáo dục và đặc thù ngành nghề đào tạo.

Trong CTĐT ngành y sinh học TDTT được thiết kế theo 2 khối kiến thức:

Khối các môn học chuyên nghiệp: Bao gồm 17 môn học bắt buộc (54 ĐVHT) cùng 12 môn đại cương (70 ĐVHT theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo) dành cho bộ Đào tạo Đại học được tổ chức đào tạo chung với các ngành Huấn luyện viên, Sư phạm TDTT, Quản lý TDTT nhằm tạo nên tính liên thông trong quy trình đào tạo của trường Đại học TDTT BN.

Khối các học phần chuyên ngành tự chọn được thiết kế theo từng lĩnh vực hẹp và tổ chức giảng dạy độc lập với các ngành học khác. Sinh viên sẽ lựa chọn và đăng ký học phần tự chọn vào đầu năm học.

3.1.2.3. Thực trạng đội ngũ quản lý, giảng viên và chuyên gia hiện đang tham ra đào tạo ngành y sinh học TDTT

Để phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả CTĐT ngành y sinh học TDTT, luận án tiến hành nghiên cứu thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên ngành Y sinh học TDTT tại trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Kết quả được trình bày ở bảng 3.5.

Bảng 3.5 Thực trạng đội ngũ cán bộ giảng dạy ngành Y sinh học

TT	Trình độ chuyên môn và thâm niên công tác	Kết quả	
		SL	%
Trình độ chuyên môn			
1.	Giáo Sư	01	6.25
2.	Phó Giáo Sư	01	6.25
3.	Tiến sỹ	03	18.75
4.	Thạc sỹ	13	81.25
5.	Cử nhân	0	0

Thâm liên công tác			
6.	Dưới mười năm công tác	8	50
7.	Trên mười năm công tác	8	50

Kết quả Bảng 3.5 cho thấy tổng số cán bộ quản lý và giảng dạy ngành y sinh học TĐTT bao gồm 16 giảng viên trong đó có: 01 Giáo sư chiếm tỷ lệ 6.25%, 01 Phó giáo sư, chiếm tỷ lệ 6.25%, 03 Tiến sỹ chiếm tỷ lệ 18.75%, 13 Thạc sỹ chiếm tỷ lệ 81.25%. Về thâm liên công tác trên mười năm có 8 giảng viên, chiếm tỷ lệ 50%.

Từ kết quả của bảng 3.5 luận án nhận thấy, với số lượng cán bộ quản lý và giảng dạy có trình độ cao và thâm niên công tác tốt, có thể coi đây như là một lợi thế của nhà trường, là điều kiện thuận lợi để áp dụng các phương pháp dạy học mới, ứng dụng khoa học công nghệ trong dạy học ... Đặc biệt là đáp ứng được yêu cầu mục tiêu đào tạo của CTĐT cán bộ y sinh học TĐTT đã đề ra.

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc đánh giá hiệu quả CTĐT cử nhân y sinh học TĐTT tại trường Đại học TĐTT Bắc Ninh luận án nhận thấy:

Một là, luận án đã hệ thống được các nguyên tắc, yêu cầu khi lựa chọn và xây dựng các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá hiệu quả CTĐT cử nhân y sinh học TĐTT.

Hai là, luận án đã xác định được bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả CTĐT cử nhân y sinh học TĐTT, gồm 15 tiêu chuẩn và 71 tiêu chí với những hướng dẫn cụ thể về phương pháp và cách thức đánh giá.

Ba là, luận án đã tìm hiểu, khảo sát cơ sở thực tiễn hiện đang phục vụ cho công tác đào tạo tại ngành y sinh học TĐTT để làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả CTĐT cử nhân y sinh học TĐTT.

Đây là cơ sở khoa học để luận án tiến hành đánh giá thực trạng hiệu quả của CTĐT cử nhân y sinh học TĐTT tại trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

3.2 Đánh giá thực trạng hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TĐTT

3.2.1. Thực trạng công tác đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TĐTT tại trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh

Nhằm tìm hiểu về thực trạng hiệu quả của CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT, luận án bước đầu tiến hành khảo sát về công tác đánh giá hiệu quả CTĐT ngành Y sinh học TĐTT của Nhà trường. Khảo sát được tiến hành với các nội dung CTĐT đã hoặc chưa được đánh giá; Nếu được đánh giá thì tổ chức, cá nhân nào đánh giá.

Khi được hỏi ý kiến của các chuyên gia, cán bộ QL và GV về tổ chức nào tiến hành đánh giá CTĐT thì 100% ý kiến cho rằng Hội đồng Nhà trường tiến hành đánh giá.

Kết quả điều tra cho thấy, CTĐT cử nhân ngành Y sinh học TĐTT đã được 02 lần rà soát năm 2010 và năm 2015 bởi Ban rà soát chương trình, ngoài ra còn được

đánh giá theo quy trình ISO 9001:2008. Tuy nhiên CTĐT vẫn chưa được đánh giá một cách tổng thể, toàn diện theo những tiêu chuẩn và tiêu chí được ban hành của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo hay một tổ chức kiểm định độc lập.

3.2.2. Kết quả đào tạo cử nhân ngành Y sinh học TDTT

Nghiên cứu kết quả đào tạo của ngành y sinh học TDTT thông qua bảng 3.7 và 3.8 luận án nhận thấy kết quả học tập của sinh viên ra trường đạt kết quả cao, đặc biệt là tỷ lệ khá, giỏi và xuất sắc đều trên 96% và chỉ có 04 sinh viên chiếm 3.37% có bằng tốt nghiệp xếp loại trung bình. Kết quả học tập của sinh viên các khóa có sự khác biệt như: khóa 44 có 2 sinh viên và khóa 47 có 01 sinh viên đạt loại xuất sắc, các khóa khác không có sinh viên xếp hạng này. Điều đó chứng tỏ sinh viên có thể thích nghi tốt với nội dung và yêu cầu của CTĐT.

Qua đây cho thấy: Ngành Y sinh học TDTT là ngành mới mở đào tạo. Tuy nhiên sinh viên bước đầu thích nghi được với nội dung và yêu cầu của chương trình đào tạo. Trong quá trình học các em sinh viên được đào tạo về chính trị, tư tưởng khi học ngành Y học TDTT nên kết quả đã đạt nhiều điểm cao thể hiện qua tỷ lệ điểm rèn luyện của sinh viên chiếm khá và giỏi là chủ yếu. Trong đó vẫn còn một số ít sinh viên do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan mà không thể theo học hết khóa. Đây là dữ liệu và đề luận án căn cứ xây dựng đầu vào cho chương trình.

3.2.2.4. Thống kê kết quả việc làm sau khi ra trường của sinh viên ngành y sinh học Thể dục thể thao

Để có thể đánh giá hiệu quả của CTĐT việc tìm hiểu về thông tin việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp là công việc được luận án coi trọng và quan tâm vì vậy luận án tiến hành thu thập thông tin của sinh viên ngành y sinh học TDTT sau khi tốt nghiệp luận án tiến hành phỏng vấn đối với các sinh viên đã ra trường (Phụ lục 6).

Kết quả được trình bày ở Bảng 3.11. Kết quả Bảng 3.11 cho thấy:

Số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm là 98, chiếm 83.05 %;

Số lượng có việc làm đúng ngành đào tạo là 27, chiếm 22.88 %;

Số lượng có việc làm gần ngành đào tạo là 24, chiếm 20.33 %;

Số lượng làm không đúng ngành đào tạo là 47, chiếm 39.83%.

Bảng 3.11. Thống kê việc làm sau khi ra trường của sinh viên ngành Y sinh học TĐTT

Khóa tốt nghiệp	Số SV tốt nghiệp	Số phiếu gửi đi	Số phiếu về	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Có việc làm								Không có việc làm	Tỷ lệ (%)	Học thêm sau TN	Tỷ lệ (%)
						Đúng ngành	Tỷ lệ (%)	Ngành gần	Tỷ lệ (%)	Không đúng ngành	Tỷ lệ (%)	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)				
ĐH 43	41	41	41	41	100	18	43.90	3	7.31	7	17.07	28	68.29	13	31.7	9	21.95
ĐH 44	35	35	35	35	100	3	9.1	13	39.3	17	51.5	33	94.2			2	5.7
ĐH 45	16	16	16	16	100	2	12.5	3	18.75	9	56.25	14	87.5	3	13.75	3	18.75
ĐH 46	11	11	11	11	100	2	18.18	4	36.36	3	27.27	9	81.81	2	18.18	3	27.27
ĐH 47	15	15	15	15	100	2	13.33	1	6.67	11	73.33	14	93.33	1	6.67	4	26.6
Tổng	118	118	118	118	100	27	22.88	24	20.33	47	39.83	98	83.05	19	16.10	21	17.79

Từ kết quả trên cho thấy khóa 43 là khóa đầu tiên đào tạo có sinh viên làm đúng ngành đào tạo là 18, chiếm 43,90%. Tỷ lệ này cao hơn hẳn so với sinh viên các khóa khác như, khóa 44 (có 3 sinh viên, chiếm tỷ lệ 9,1%) và khóa 45 (có 2 sinh viên chiếm 13,33%). Kết quả sinh viên làm đúng ngành đào tạo chiếm tỷ lệ 22.88%, kết quả này còn khiêm tốn, theo luận án nguyên nhân chính là do ngành y sinh học TĐTT là ngành mới mở đào tạo do vậy các cơ sở còn chưa biết về nguồn nhân lực này do vậy công tác quảng bá giới thiệu về Ngành cần được phải quan tâm hơn nữa trong thời gian tiếp theo.

3.2.3. Kết quả đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân ngành Y sinh học thể dục thể thao Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh.

Trên cơ sở lý luận về đánh giá hiệu quả CTĐT đã trình bày trong mục 3.1.1.4, theo quy trình đánh giá đã được xây dựng luận án tiến hành đánh giá hiệu quả của CTĐT ngành y sinh học TĐTT thông qua Hội đồng mà luận án đã lựa chọn đánh giá theo cách thức sau:

Đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của CTĐT

Đánh giá hiệu quả của CTĐT theo thang điểm (hình thức tự đánh giá)

Luận án tiến hành tổng hợp, phân tích điểm mạnh, điểm yếu và xác định điểm các tiêu chuẩn và tiêu chí CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT tại trường Đại học TĐTT Bắc Ninh theo Hội đồng đánh giá kết quả được phân tích theo từng tiêu chuẩn.

Từ kết quả đánh giá của hội đồng về 15 tiêu chuẩn và 71 tiêu chí luận án xin đi đến một số kết luận sau:

Thứ nhất, Chương trình đào tạo cử nhân y sinh học TĐTT tại trường Đại học TĐTT Bắc Ninh cơ bản thỏa mãn theo các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đã được lựa chọn xây dựng, thể hiện các mặt mạnh đạt được như: Nội dung chương trình đào tạo cung cấp đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cho người học. Phần kiến thức đại cương, cơ sở ngành đủ để sinh viên có thể theo học ở các mức cao hơn, tiêu chuẩn sự hài lòng của sinh viên đã thỏa mãn một phần với sự hỗ trợ, công tác tư vấn của nhà trường cũng như điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo. Tuy nhiên còn có những mặt còn yếu của CTĐT như chưa có sự liên hệ với đơn vị sử dụng lao động cũng như sự tham khảo ý kiến từ các nhà tuyển dụng khi triển khai xây dựng CTĐT, các cơ sở vật chất như phòng thí nghiệm, thực hành y sinh còn chưa đáp ứng yêu cầu.

Thứ 2, Kết quả đánh giá theo thang điểm cho thấy có những tiêu chí chỉ đạt ở mức dưới trung bình, có những tiêu chí đạt ở mức khá, quá trình đánh giá chung toàn bộ CTĐT đạt ở mức trung bình. Như vậy CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT đã thể hiện tính ưu việt của mình trong đào tạo cán bộ y sinh học TĐTT, sinh viên ra trường đã góp phần không nhỏ cho sự nghiệp TĐTT, đặc biệt là việc bổ sung cho đội ngũ giảng viên y sinh học TĐTT trong các trường chuyên về TĐTT. Tuy nhiên từ kết quả đánh giá cho điểm của Hội đồng đánh giá cho thấy

một số các tiêu chuẩn và tiêu chí còn được đánh giá thấp thể hiện mặt tồn tại của CTĐT như sau:

Tiêu chí 3.5 thể hiện CTĐT còn chưa được thường xuyên cập nhật và đánh giá kết quả đánh giá đạt điểm 2/7.

Tiêu chí 3.6 thể hiện tính mềm dẻo của chương trình còn chưa đáp ứng được cụ thể trong chương trình chưa có môn tự chọn giúp người học có thể lựa chọn theo năng lực và sở thích của bản thân, tiêu chí này được đánh giá theo thang điểm 2.

Tiêu chí 11.2 Thể hiện người học chưa được tham gia vào phát triển CTĐT, do vậy CTĐT chưa có sự đánh giá của người học đã làm giảm tính thực tiễn của CTĐT.

Tiêu chí 11.3: Nhà tuyển dụng chưa tham gia vào quá trình đóng góp cho phát triển CTĐT do vậy phần nào ảnh hưởng tới mục tiêu đáp ứng nhu cầu xã hội của CTĐT.

Tiêu chuẩn 13: Thể hiện ở các tiêu chí đều không có sự phản hồi từ người học và ý kiến của đơn vị sử dụng lao động dẫn đã đến thiếu tính thực tiễn trong đào tạo và thiếu cơ sở để điều chỉnh và cập nhật CTĐT.

Đánh giá chung CTĐT đạt mức 3.8 điểm nghĩa là CTĐT cần phải cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo ngành y sinh học TĐTT, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Như vậy, CTĐT ngành y sinh học TĐTT trường Đại học TĐTT Bắc Ninh đã thể hiện hiệu quả trong việc đào tạo, được thể hiện ở mặt thiết kế nội dung, hình thức chương trình, kết quả đào tạo sinh viên, và việc làm của sinh viên khi ra trường công tác. Tuy nhiên CTĐT cử nhân y sinh học TĐTT còn một số điểm tồn tại và hạn chế cần phải khắc phục sửa đổi để phù hợp với thực tiễn hiện nay.

3.2.4 Nghiên cứu nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực y sinh học thể dục thể thao và khả năng đáp ứng công việc của sinh viên ngành y sinh học thể dục thể thao sau khi ra trường

3.2.4.1. Thực trạng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực y sinh học TĐTT

Với mục đích tìm hiểu thực trạng nhu cầu xã hội về việc sử dụng cán bộ ngành Y sinh học TĐTT, luận án tiến hành phỏng vấn 100 cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về TĐTT, các đơn vị sự nghiệp TĐTT tại các tỉnh, thành phố, các địa phương (Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Tổng cục TĐTT; các Trung tâm TĐTT các tỉnh, thành phố và các trường học). Kết quả được trình bày tại bảng 3.12

Bảng 3.12. Kết quả phỏng vấn nhu cầu sử dụng cán bộ ngành y sinh học tdtđ ở nước ta hiện nay (n = 100)

TT	Đối tượng phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn					
		Rất cần		Cần		Không cần	
		n	%	n	%	n	%
1.	Các trung tâm huấn luyện TDTT (n = 25)	23	92	2	8		
2.	Các Huấn luyện viên TDTT (n = 25)	25	100				
3.	Các giảng viên cơ sở có đào tạo cán bộ TDTT (n = 25)	20	80	5	20		
4.	Các chuyên gia trong lĩnh vực TDTT (n = 15)	10	66.7	5	33.3		
5.	Các giáo viên TD(n = 10)	2	20	6	60	2	20

Kết quả phỏng vấn tại bảng 3.12 cho thấy: Nhu cầu của xã hội về sử dụng cán bộ y sinh học TDTT hiện nay là rất cần thiết, đặc biệt là tại các trung tâm huấn luyện TDTT với 92% trả lời ở mức rất cần thiết, nguồn nhân lực này góp phần nâng cao thành tích thể thao ở các địa phương cũng như các đội tuyển. Từ kết quả trên ngành y sinh học TDTT cần hải có những điều tra khảo sát chi tiết về nhu cầu đối với mỗi địa phương cũng như các đơn vị TDTT để có thể đưa ra nhu cầu cụ thể về chỉ tiêu đào tạo hàng năm.

3.2.4.2 Lựa chọn tiêu chí đánh năng lực chuyên môn của cán bộ y sinh học Thể dục thể thao

Luận án tiến hành phỏng vấn 50 cán bộ quản lý, các huấn luyện viên tại các trung tâm huấn luyện TDTT và cán bộ quản lý, giảng viên và các chuyên gia TDTT ở cơ sở TDTT, để lựa chọn các kỹ năng chuyên môn của cán bộ y sinh học TDTT sau khi ra trường (phụ lục số 8). Kết quả được trình bày ở bảng 3.13.

Kết quả bảng 3.13 cho thấy các năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp được số người lựa chọn trả lời ở mức cần và rất cần với tỷ lệ trên 75% bao gồm:

Phẩm chất đạo đức chính trị:

Phẩm chất đạo đức và quan hệ quần chúng tốt;

Trách nhiệm trong chuyên môn cao;

Tác phong làm việc hiệu quả;

Có trách nhiệm với đồng nghiệp;

Tuân thủ chủ trương cương Đảng - pháp luật của Nhà nước.

Kiến thức chung:

Khả năng làm việc độc lập;

Năng lực làm việc nhóm;

Năng lực lập kế hoạch hoạt động;

Năng lực giao tiếp (đàm phán). Nhạy bén với môi trường làm việc thay đổi;
 Năng lực về tin học, ngoại ngữ;
 Năng lực nghiên cứu khoa học (cải tiến-sáng kiến);
 Năng lực học tập ở bậc cao hơn.

Kỹ năng chuyên môn về y sinh học TDTT

Kỹ năng phòng ngừa chấn thương thể thao. Nhận biết và đánh giá được chấn thương;
 Kỹ năng điều trị và sơ cứu ban đầu chấn thương;
 Kỹ năng hồi phục chức năng;
 Kỹ năng tổ chức và điều hành những hoạt động y tế trong hoạt động TT;
 Kỹ năng kiểm tra đánh giá trình độ tập luyện và khả năng thích nghi với hoạt động TDTT;
 Kỹ năng giáo dục và cố vấn cho VĐV cũng như đội y học TDTT về chăm sóc sức khỏe và đề phòng các chấn thương, các bệnh thường gặp trong hoạt động TT;
 Kỹ năng tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học TDTT, tuyển chọn tài năng thể thao;
 Kỹ năng về giảng dạy các môn y sinh học TDTT.

Các kỹ năng này được luận án sử dụng làm tiêu chí đánh giá năng lực chuyên môn của cử nhân y sinh học TDTT, đánh giá hiệu quả CTĐT theo định hướng mới.

3.2.4.3. Thực trạng khả năng đáp ứng công việc của sinh viên ngành y học thể dục thể thao khi ra trường.

Để đánh giá khả năng đáp ứng công việc chuyên môn của các sinh viên sau khi ra trường, luận án tiến hành phỏng vấn 20 đơn vị sử dụng lao động là các trung tâm, các đội và các trường đại học đang sử dụng các cán bộ, giáo viên đã tốt nghiệp ngành y sinh học TDTT trường Đại học TDTT Bắc Ninh từ năm 2011 đến nay, theo các mức: Tốt, giỏi, khá, trung bình, yếu, kém (Phụ lục số 9). Kết quả được trình bày tại bảng 3.14 .

Kết quả bảng 3.14 cho thấy khả năng đáp ứng việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành y sinh học TDTT tại trường Đại học TDTT Bắc Ninh của các đơn vị sử dụng lao động được thể hiện ở các mặt sau:

Phẩm chất đạo đức chính trị: Đa số sinh viên đều chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có quan hệ tốt với quần chúng và đồng nghiệp. Tuy nhiên còn hạn chế ở tác phong làm việc hiệu quả và trách nhiệm trong chuyên môn.

Kiến thức chung: Sinh viên có khả năng thích ứng với công việc tốt, tuy nhiên về khả năng độc lập hoạt động và kỹ năng hoạt động theo nhóm còn hạn chế chứng tỏ sinh viên còn thụ động trong công việc, đặc biệt trình độ ngoại ngữ và tin học còn ở mức trung bình là một hạn chế lớn.

Kỹ năng chuyên môn về y sinh học TDTT: Kết quả đánh giá về mặt chuyên môn y sinh học TDTT được các nhà sử dụng lao động đánh giá tốt về lý thuyết như khả năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tuy nhiên về các kỹ năng

thực hành chuyên môn thì còn hạn chế lớn, đặc biệt là trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

3.3. Nghiên cứu nội dung đổi mới nâng cao hiệu quả chương trình đào tạo cử nhân y sinh học Thể dục Thể thao

3.3.1. Cơ sở lý luận của đổi mới chương trình đào tạo

3.3.1.1. Tính cấp thiết của đổi mới chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của Đại học TDTT Bắc Ninh hiện tại được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của nhà trường. Tuy nhiên, CTĐT không tránh khỏi những bất cập và cần đổi mới để thực sự hướng về nhu cầu của người học và nhu cầu của xã hội. Đổi mới CTĐT cũng xuất phát từ sức ép của bối cảnh cạnh tranh trong lĩnh vực đào tạo cán bộ TDTT. Hiện tại, đã có khoảng 57 cơ sở tham gia đào tạo cán bộ TDTT trên cả nước, nếu không đổi mới CTĐT để qua đó thể hiện những nét đặc trưng, thế mạnh nhà trường sẽ có nguy cơ tụt hậu, nguy cơ giảm chất lượng và số lượng thí sinh thi vào trường.

3.3.1.2. Quan điểm định hướng đổi mới chương trình đào tạo

Đổi mới CTĐT ở Đại học TDTT Bắc Ninh được thực hiện theo hướng giảng dạy theo tín chỉ, gắn liền với kế hoạch tổng thể đổi mới giảng dạy về: mục tiêu đào tạo, CTĐT, nội dung, phương pháp dạy và học, phương thức đánh giá kết quả học tập... Trong đổi mới giáo dục đại học, Nhà trường đã lựa chọn đổi mới CTĐT cử nhân chuyên ngành sang hình thức học chế tín chỉ làm khâu đột phá, lĩnh vực ưu tiên. CTĐT được xây dựng phù hợp với điều kiện vật chất, nguồn nhân lực của nhà trường, phát huy các thế mạnh của nhà trường và sự tham gia tích cực của cán bộ, giảng viên. Tuy nhiên theo chúng tôi cần có sự tập trung nguồn lực hơn nữa để tạo bước chuyển vượt bậc, làm nổi rõ thế mạnh, nét đặc trưng riêng của trường. Đổi mới CTĐT, đây cũng là dịp để Nhà trường tập trung xác định những thế mạnh, những nét đặc trưng để thể hiện trong CTĐT.

Điểm đặc biệt cần quan tâm trong xây dựng CTĐT là từng bước tiếp cận với các CTĐT tiên tiến của nước ngoài có chú trọng đến điều kiện và đặc thù của Việt Nam.

3.3.1.3. Một số vấn đề đặt ra trong đổi mới chương trình đào tạo cử nhân Y sinh học Thể dục Thể thao

Để đổi mới CTĐT có hiệu quả cần phải giải quyết tốt các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

Thứ nhất, xây dựng CTĐT đầy đủ kiến thức của tất cả ngành (dạy đều các môn) hay đi sâu theo từng chuyên ngành. Có ý kiến cho rằng khi xây dựng CTĐT nên đi sâu vào chuyên ngành, chỉ dành một thời lượng vừa phải cho những môn cơ sở ngành (không phải chuyên ngành) kết hợp với phương pháp tăng cường thuyết trình, thực hiện đề tài tốt nghiệp, thực tập... để sinh viên ra trường sẽ là những người làm được việc, thực sự giỏi trong một lĩnh vực cụ thể.

Thứ hai, xây dựng CTĐT chú trọng đào tạo kiến thức hay chú trọng đào tạo kỹ năng thực hành.

Thứ ba, nên đưa vào CTĐT càng nhiều môn học tự chọn càng tốt hay chỉ nên tập trung vào một số môn.

Thứ tư, hình thức tổ chức đào tạo theo niên chế hay tín chỉ nếu chuyển từ niên chế sang tín chỉ thì sẽ thay đổi chương trình như thế nào.

3.3.2. Đề xuất nội dung đổi mới nâng cao hiệu quả CTĐT cử nhân ngành Y sinh học TĐTT.

Từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ 1 và nhiệm vụ 2, kết quả phân tích và tổng hợp tài liệu, luận án đề xuất định hướng các nội dung đổi mới CTĐT ngành Y sinh học TĐTT trường Đại học TĐTT Bắc Ninh như sau:

Một là: Thống nhất cách hiểu một số thuật ngữ khi xây dựng CTĐT theo các văn bản mới ban hành như Thông tư số 07 /2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm các thuật ngữ như sau:

Khung chương trình là danh sách các môn học/học phần mà nhà trường đưa vào trong quá trình giảng dạy và người học cần tích lũy trong CTĐT cho từng ngành/chuyên ngành đào tạo. Khung chương trình được mỗi trường thiết kế trên cơ sở Chương trình khung mà Bộ GD&ĐT xác định cho từng ngành hoặc thậm chí từng chuyên ngành. Phần nhà trường thiết kế nhằm xác định những môn học được cung cấp trong nhà trường ngoài các môn học do Bộ GD&ĐT xác định, khẳng định tính riêng có và khác biệt, tính chủ động của nhà trường trong việc “đào tạo theo nhu cầu xã hội” và hấp dẫn sinh viên.

Chương trình khung là khung quy định cứng về CTĐT của Bộ GD&ĐT, trong đó có số tín chỉ tối thiểu cần được tích lũy, danh sách một số môn học chung cho tất cả các trường có đào tạo ngành đó.

Chuẩn đầu ra là những yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học sau khi hoàn thành CTĐT. Đây chính là tiêu chuẩn xã hội sử dụng để đánh giá kết quả đào tạo của nhà trường trên cơ sở kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng mà sinh viên tích lũy được sau đào tạo.

Ngoài ra, trong CTĐT còn có các mục như: Tên chương trình (xác định cấp học và ngành học, loại hình đào tạo); Mục tiêu đào tạo (khẳng định tổng quát điều dự định cần đạt được); thời gian đào tạo (thời gian đào tạo nên xác định theo số kỳ và nên là một khoảng thời gian tương đối, phụ thuộc vào tốc độ tích lũy của sinh viên).

Hai là, thay đổi tiêu đề các mục: “Mục tiêu chung” và “Mục tiêu cụ thể” thành “Mục tiêu” và “Chuẩn đầu ra” và xây dựng chương trình theo hướng đạt được yêu cầu về chuẩn đầu ra. Khi bắt tay vào xây dựng khung chương trình làm cơ sở cho việc phát triển CTĐT, đa số các trường đều viết theo mẫu chung mà Bộ GD&ĐT đưa ra. Trong đó, trang đầu tiên của khung chương trình sẽ là tên chương trình, trình độ đào tạo, và tiếp đó là mục tiêu đào tạo

Ba là, CTĐT cần linh hoạt, mềm dẻo theo từng khóa, có thể chuyển các ngành học khác nhau trong trường.

Tính linh hoạt trong CTĐT có thể được thể hiện ở nhiều khía cạnh. Đầu tiên, một số tiêu chuẩn bổ sung trong chuẩn đầu ra có thể không cần được thực hiện trong phạm vi nhà trường nhưng nhất thiết phải yêu cầu sinh viên đạt được (tích lũy được theo yêu cầu) thì mới cấp bằng. Ví dụ, trong thời đại toàn cầu hóa như ngày nay, các kỹ năng như ngoại ngữ, sử dụng máy tính... là không thể thiếu được đối với sinh viên nhiều chuyên ngành, trong đó có ngành Y sinh học TĐTT.

Mềm dẻo thể hiện ở chỗ cùng một lúc sinh viên có thể học các ngành khác nhau hoặc có thể sau khi tốt nghiệp ngành này chỉ phải tích lũy phần kiến thức chuyên môn của ngành khác tạo điều kiện cho người học có cơ theo được nhiều ngành học khác nhau.

Bốn là, CTĐT nhất thiết phải có mục tóm tắt nội dung và đề cương chung của từng học phần để bảo đảm tính thống nhất cho tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy. Thực tế hiện nay tại không ít cơ sở đào tạo, nội dung của đề cương phụ thuộc vào người thiết kế hoặc phụ thuộc vào giảng viên, vì vậy chi tiết về mục tiêu và nội dung phụ thuộc vào sự hiểu biết cũng như mức độ quan tâm của từng giảng viên. Một học phần nhưng được dạy bởi hai giảng viên khác nhau trong cùng của một bộ môn có thể theo đuổi những mục tiêu rất khác nhau làm cho sinh viên có tư duy có thể rất khác nhau về cùng một học phần. Đó chính là lý do làm cho chất lượng đào tạo trong một cơ sở không ổn định. Tất nhiên, có thể chấp nhận một thực tế, một khái niệm căn bản nào đó có cách áp dụng và tương tác khác nhau tùy theo sự nhấn mạnh của giảng viên nhưng về mặt bản chất, nó cần thống nhất về nội dung. Do đó, việc mô tả nội dung của CTĐT là thực sự cần thiết.

Năm là, cần thiết kế CTĐT dễ hiểu, dễ tiếp thu cả về nội dung và logic tiếp thu kiến thức, giúp sinh viên chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong nhà trường (chỉ khi sinh viên chủ động thì họ mới làm chủ được những kiến thức và kỹ năng được cung cấp).

Sáu là, CTĐT cần được phổ biến tới sinh viên ngay từ đầu khóa học và có các hình thức tư vấn hỗ trợ sinh viên, giúp sinh viên có thể hiểu và chủ động trong việc học tập của mình, sinh viên có thể lựa chọn được các học phần phù hợp. Thêm nữa, để việc lựa chọn học phần của sinh viên được chuẩn mực, giúp họ chọn đúng học phần theo định hướng nghề nghiệp, cố vấn học tập phải là người có kiến thức và kinh nghiệm trong giảng dạy (tốt nhất là người có kinh nghiệm thực tế). Cố vấn học tập phải nắm được toàn bộ CTĐT và hiểu rõ mục tiêu đào tạo mà CTĐT hướng tới, từ đó, định hướng cho sinh viên chọn các học phần phù hợp, giúp họ thực hành để có thể làm được các công việc với định hướng nghề nghiệp và chuyên ngành đào tạo.

Những định hướng đổi mới trên sẽ là cơ sở để luận án lựa chọn các nội dung đổi mới nâng cao hiệu quả CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

3.3.2.2. Nghiên cứu lựa chọn và xây dựng nội dung đổi mới nâng cao hiệu quả CTĐT cử nhân ngành Y sinh học TĐTT trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 1 và nhiệm vụ 2, căn cứ định hướng đổi mới CTĐT, luận án tiến hành phân tích lựa chọn nội dung đổi mới chương trình đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo cán bộ y sinh học TĐTT tại trường Đại học TĐTT Bắc Ninh, đó là:

Nội dung 1: Đổi mới mục tiêu đào tạo

Nội dung 2: Đổi mới về nội dung chương trình

Nội dung 3: Đổi mới tổ chức đào tạo

Nội dung 4: Đổi mới phương thức tuyển sinh

Nội dung 5: Tăng cường liên kết đào tạo các lĩnh vực về chuyên ngành Y học TĐTT

Để đảm bảo tính khách quan, từ kết quả nghiên cứu bước đầu đề xuất năm nội dung đổi mới CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT luận án tiếp tục tiến hành phỏng vấn 50 chuyên gia, cán bộ quản lý, giáo viên bằng phiếu hỏi (phụ lục số 10) để lựa chọn các nội dung đổi mới nâng cao hiệu quả CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT với thang điểm đánh giá như sau: Rất cần thiết; Cần thiết; Bình thường; Không cần thiết, đối tượng phỏng vấn 30 cán bộ gồm: 15 chuyên gia là cán bộ lãnh đạo trường, cán bộ quản lý các phòng, khoa, trung tâm và 15 giảng viên có kinh nghiệm tham gia trực tiếp giảng dạy CTĐT ngành Y sinh học TĐTT, Kết quả được thể hiện ở bảng 3.15.

Bảng 3.15. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các nội dung đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

TT	Nội dung đổi mới	Kết quả							
		Rất cần thiết		Cần thiết		Bình thường		Không cần thiết	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Đổi mới mục tiêu đào tạo	25	50	15	30	5	10	5	10
2	Đổi mới về nội dung chương trình	25	50	15	30	10	20		
3	Đổi mới tổ chức đào tạo	45	90	5	10				
4	Đổi mới phương thức tuyển sinh	21	42	7	14	10	20	2	4
5	Tăng cường liên kết đào tạo các lĩnh vực về chuyên ngành Y học TĐTT	28	56	11	22	7	14	4	8

Kết quả bảng 3.15 cho thấy cả 5 nội dung đưa ra đều có kết quả trả lời với tỷ lệ trên 75% ở mức rất cần thiết và cần thiết, được luận án sử dụng trong việc xây dựng các nội dung đổi mới CTĐT ngành y sinh học TĐTT. Việc xây dựng nội dung chủ yếu được dựa trên các định hướng đã được xác định.

3.3.3. Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo đổi mới ngành Y sinh học TĐTT.

Luận án tiến hành xây dựng CTĐT đổi mới ngành y sinh học TĐTT trình độ cử nhân ở trường Đại học TĐTT Bắc Ninh. Theo quy trình quy định tại Thông tư số: 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo theo các bước sau:

Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nguồn nhân lực theo trình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Căn cứ kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 2 tại mục 3.2.4.1 về kết quả phỏng vấn nhu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực là cán bộ y sinh học TĐTT là rất lớn, từ đó luận có cơ sở để giải quyết nội dung nghiên cứu tiếp theo.

Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Kết quả nghiên cứu thực trạng CTĐT ngành Y sinh học TĐTT cho thấy việc xây dựng mục tiêu đào tạo bao gồm có Phẩm chất, đạo đức chính trị, năng lực chuyên môn và năng lực công tác, do vậy nội dung này được luận án xây dựng như sau:

Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung:

Có tinh thần yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội; nắm vững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Chấp hành đúng luật pháp của Nhà nước và các quy định của ngành; là những công dân tốt trong cộng đồng xã hội.

Trung thành với Tổ quốc, hết lòng hết sức phấn đấu cho sự nghiệp TĐTT và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

Đoàn kết, khiêm tốn học tập không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn. Sẵn sàng giúp đỡ mọi người trong các vấn đề về chuyên môn và nghiệp vụ.

Có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, nêu gương tốt cho mọi người.

Có trình độ ngoại ngữ đảm bảo cho việc tra cứu tài liệu phục vụ công việc và có thể giao tiếp ở trình độ B

Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu, soạn thảo tài liệu phục vụ công việc ở trình độ B

Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo những cử nhân Y học TĐTT có khả năng:

Nắm vững các cơ sở lý luận và thực hành của chuyên ngành y sinh học TĐTT và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan. Ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến vào trong công tác TĐTT.

Trang bị đầy đủ tri thức về nguyên nhân, cơ chế, lâm sàng, phương pháp điều trị và phòng ngừa chấn thương, bệnh lý trong hoạt động thể thao.

Chuẩn đầu ra

Yêu cầu về kỹ năng:

Kỹ năng giảng dạy các môn y sinh học TDTT.

Nắm vững các kỹ năng và có năng lực thực hành chuyên môn về Y sinh học TDTT, vận dụng kiến thức Y sinh học TDTT vào công tác nghiên cứu khoa học, kiểm tra, đánh giá trình độ tập luyện của người tập TDTT.

Kỹ năng về chăm sóc y tế cho VĐV và người tập TDTT, có khả năng ứng dụng các phương tiện, các thủ pháp Y học trong sơ cứu các chấn thương, hồi phục chức năng vận động.

Kỹ năng về tư vấn chăm sóc sức khỏe và tổ chức hoạt động y tế tại các cơ sở huấn luyện và các giải thi đấu thể thao.

Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

Có khả năng làm việc trong các trường Trung học, trường Đại học, bệnh viện, các Viện nghiên cứu khoa học về thể thao, trong các liên đoàn thể thao, và ủy ban Olympic Việt Nam.

Có khả năng đảm nhiệm mọi công tác y tế cho VĐV trong các đội tuyển thể thao và làm tốt công tác hồi phục chức năng vận động cho VĐV cũng như tất cả mọi người tham gia tập luyện tại các trung tâm y học TDTT hoặc trung tâm điều dưỡng.

Đảm nhận tốt công tác giảng dạy các môn y sinh học TDTT như giải phẫu vận động, sinh lý TDTT, y học TDTT, vệ sinh TDTT, sinh cơ TDTT, sinh hoá TDTT trong các cơ sở đào tạo Cao đẳng và Đại học TDTT.

Biết phát hiện sớm các chấn thương và các trạng thái bệnh lý thường gặp trong tập luyện và thi đấu thể thao. Phòng ngừa và xử lý bước đầu được các chấn thương bệnh lý thể thao.

Biết tổ chức hoạt động y tế phục vụ các giải thi đấu thể thao các cấp.

Biết ứng dụng và thực hành thành thạo một số phương tiện kỹ thuật y sinh hiện đại đáp ứng công tác nghiên cứu khoa học TDTT.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng học tập, nâng cao trình độ đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

Kết quả đánh giá thực trạng hiệu quả CTĐT ngành Y sinh học TDTT cho thấy về cấu trúc, khối lượng kiến thức, tỷ lệ các khối kiến thức so với quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo là có tỷ lệ cao hơn so với quy định, căn cứ kết quả phỏng vấn lựa chọn nội dung đổi mới CTĐT luận án tiến hành xây dựng: Nội dung chương trình; Kế hoạch giảng dạy và cấu trúc của chương trình. Kết quả được trình bày tại các bảng 3.16, 3.17

Để làm rõ hơn những nội dung đổi mới trong CTĐT luận án tiến hành thống kê số lượng môn học, học phần, các môn bắt buộc và tự chọn cũng như tỷ lệ giữa các khối kiến thức và tiến hành so sánh với CTĐT cũ, kết quả được trình bày ở bảng 3.18.

Bảng 3.18. Bảng so sánh tổng quát chương trình đào tạo đổi mới và chương trình đào tạo hiện hành ngành Y sinh học TDTT

TT	Nội dung	Cũ	Mới	Giảm	Tăng	Ghi chú
1	Tổng cộng giờ giảng dạy	2850	1875	975		Không tính GDQP và phần D
2	Đơn vị học trình - Số tín chỉ	213	125	88		
3	Đơn vị học phần	67	66	1		
4	Đăng cấp 3	3	2	1		
5	Tỷ lệ % khối kiến thức đại cương	24	25		1	
6	Tỷ lệ % khối kiến thức CS và CM	45	35	10		
7	Tỷ lệ % khối kiến thức ngành	31	40		8	
8	Số môn học	58	60		2	
9	Số môn bắt buộc	58	31	27		
10	Số môn tự chọn	0	29		29	

Kết quả bảng 3.18 cho thấy số giờ của CTĐT luận án xây dựng giảm 975 giờ, lý do của việc giảm giờ này là do Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Số tín chỉ (gọi theo chương trình mới, chương trình cũ là đơn vị học trình) giảm từ 213 còn 125m, giảm 88 tín chỉ.

Số môn tự chọn ở chương trình cũ không có, trong CTĐT mà luận án xây dựng đã bổ sung 29 môn học, từ đó có thể thấy rõ sự khác biệt về tính mềm dẻo và khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội và nhu cầu của người học giữa hai CTĐT.

Bước 4: Đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành/ chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện CTĐT

Luận án tiến hành đối chiếu với chương trình y sinh học TDTT trường Đại học TDTT Bắc Kinh Trung Quốc. Kết quả được trình bày ở bảng 3.19.

Bảng 3.19. Đối chiếu thời lượng giữa chương trình đào tạo đổi mới ngành Y sinh học TDTT Đại học TDTT Bắc Ninh, Việt Nam và Chương trình đào tạo Y sinh học TDTT trường Đại học TDTT Bắc Kinh Trung Quốc

TT	Nội dung	CTĐT ĐH TDTT Bắc Ninh	CTĐT ĐH TDTT Bắc Kinh	Ghi chú
1	Tổng cộng giờ giảng dạy	1875	2370	
2	Đơn vị học trình - Số tín chỉ	125	170	
3	Đơn vị học phần	66	77	
4	Tỷ lệ % khối kiến thức đại cương	25	30	
5	Tỷ lệ % khối kiến thức CS và CM	35	31	
6	Tỷ lệ % khối kiến thức ngành	40	39	
7	Số môn học	60	79	
8	Số môn bắt buộc	31	27	
9	Số môn tự chọn	29	52	

Kết quả bảng 3.19 cho thấy: số lượng giờ trong CTĐT của trường Đại học TDTT Bắc Kinh, Trung Quốc nhiều hơn 495 giờ so với CTĐT y sinh học TDTT của trường Đại học TDTT Bắc Ninh; số học phần của CTĐT trường ĐH TDTT Bắc Ninh là 66, nhiều hơn 10 học phần tuy nhiên việc sắp xếp tỷ lệ các môn học thuộc các khối kiến thức là tương đồng nhau, không có sự khác biệt lớn giữa hai CTĐT. Do vậy, CTĐT cử nhân ngành y sinh học TDTT mà luận án xây dựng có sự tương đồng về tỷ lệ phân phối các khối lượng kiến thức so với CTĐT Y sinh học TDTT trường Đại học TDTT Bắc Kinh, Trung Quốc.

Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định.

Trên cơ sở kế thừa CTĐT ngành y sinh học TDTT của trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã được xây dựng và ban hành trước đây, luận án tiến hành thiết kế đề cương chi tiết cho các học phần của CTĐT do luận án xây dựng: Phần các môn bắt buộc (31 môn) và Các môn tự chọn (29 môn).

Bước 6: Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp về CTĐT.

Để thực hiện bước này luận án tiến hành tổ chức hội thảo các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên trong và ngoài trường về CTĐT ngành y sinh học TDTT luận án vừa xây dựng.

Tổng hợp các ý kiến tại Hội thảo bao gồm nội dung như sau:

Thứ nhất, Thống nhất với những nội dung đổi mới mà luận án đưa ra tuy nhiên cần phải thống nhất cách tổ chức đào tạo theo tín chỉ, do vậy kế hoạch đào tạo cần xây dựng theo hướng một năm có 4 kỳ học.

Thứ hai, Nếu có thể tăng thời lượng hoặc tăng số giờ giúp cho sinh viên có thể tích lũy nhiều kiến thức hơn.

Thứ ba, CTĐT cần tổ chức kế hoạch nhận phản hồi của người học, người dạy và đơn vị quản lý chương trình nhằm giúp quá trình quản lý đào tạo đạt hiệu quả cao.

Thứ tư, Trong các giải pháp đổi mới có việc hỗ trợ sinh viên tuy nhiên trong chương trình lại không thể hiện rõ nội dung này.

Thứ năm, Trong các giải pháp đổi mới có đề cập việc liên kết đào tạo tuy nhiên trong chương trình cũng chưa thể hiện rõ.

Kết quả các ý kiến đóng góp trong hội thảo sẽ là những nội dung quan trọng giúp luận án hoàn thiện CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT.

Bước 7: Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét, tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng.

Từ kết quả Hội thảo về đổi mới CTĐT ngành y sinh học TĐTT luận án tiếp thu chỉnh sửa và hoàn thiện thành một chương trình thống nhất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình mới được trình bày tại Phụ lục 13.

Bước 8: Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

Sau khi hoàn thiện chương trình và ứng dụng vào thực tiễn, chương trình do luận án xây dựng lại tiếp tục cải tiến, cập nhật, nhận phản hồi từ người học, người dạy và người sử dụng lao động để chương trình ngày càng hoàn thiện hơn, ngày càng đáp ứng nhu cầu của xã hội.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

A. Kết luận.

Từ những kết quả nghiên cứu của đề tài, cho phép đi đến những kết luận sau:

1. Từ kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn luận án đã lựa chọn và xây dựng được bộ 15 tiêu chuẩn với 71 tiêu chí đánh giá hiệu quả CTĐT cử nhân ngành Y sinh học TĐTT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Đánh giá thực trạng hiệu quả của CTĐT cử nhân ngành. Theo phương pháp phân tích điểm mạnh, điểm tồn tại và đánh giá theo thang điểm 7 đối với từng tiêu chuẩn và tiêu chí đã được lựa chọn và xây dựng.

Luận án cũng đã lựa chọn và xây dựng được bộ 3 tiêu chuẩn với 20 tiêu chí để đánh giá năng lực chuyên môn của cử nhân ngành Y sinh học TĐTT. Từ kết quả thu được luận án tiến hành đánh giá thực trạng mức độ đáp ứng của sinh viên trong công tác thực trạng mức độ đáp ứng của sinh viên trong công tác thực tế. Kết quả cho thấy năng lực chuyên môn của sinh viên được đào tạo đã đáp ứng được cơ bản những yêu cầu của thực tiễn, tuy nhiên một số năng lực như: Khả năng về thực hành chuyên môn, năng lực về tin học và ngoại ngữ cần được quan tâm hơn trong quá trình đào tạo.

Luận án cũng đánh giá thực hiệu quả CTĐT theo các chỉ tiêu phản ánh kết quả đào tạo của 5 khóa đã tốt nghiệp: kết quả học tập, kết quả rèn luyện, tốt nghiệp và kết quả việc làm của sinh viên sau khi ra trường

3. Quá trình nghiên cứu của luận án đã lựa chọn được các nội dung đổi mới CTĐT ngành y sinh học TĐTT, bao gồm các nội dung sau:

Nội dung thứ 1: Đổi mới mục tiêu đào tạo

Nội dung thứ 2: Đổi mới về nội dung chương trình

Nội dung thứ 3: Đổi mới tổ chức đào tạo

Nội dung thứ 4: Đổi mới phương thức tuyển sinh

Nội dung thứ 5: Tăng cường liên kết đào tạo các lĩnh vực về chuyên ngành Y học TĐTT

Từ kết quả nghiên cứu lựa chọn các nội dung đổi mới, luận án đã xây dựng CTĐT đổi mới ngành y sinh học TĐTT tuân thủ các quy định của Nhà nước và ý kiến của các chuyên gia, nhà tuyển dụng, người học, sinh viên đã ra trường.

B. Kiến nghị.

Từ những kết luận nêu trên của đề tài, cho phép đi đến một số kiến nghị sau:

1. CTĐT cử nhân ngành y sinh học TĐTT do luận án xây dựng cần được triển khai tại trường Đại học TĐTT Bắc Ninh để có cơ sở đánh giá được hiệu quả ứng dụng trong thực tiễn đào tạo.

2. Do điều kiện thực tiễn của Nhà trường hiện nay luận án chưa xây dựng được CTĐT cử nhân Y sinh học TĐTT theo các chuyên ngành hẹp, cần có những công trình mới theo hướng mở các chuyên ngành trong CTĐT ngành y sinh học TĐTT.